

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH GIA
TỈNH LẠNG SƠN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2024/HNGĐ-ST
Ngày 05-01-2024
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con
chung khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH GIA, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Hiệt.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Đặng Văn Sơn.
- Bà Trần Thị Diệp.

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Nam Toàn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Lý - Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 51/2023/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2023 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị T, sinh năm 1990.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn P, xã H, huyện B, tỉnh Lạng Sơn.

Nơi ở hiện nay: Thôn B, xã H, huyện B, tỉnh Lạng Sơn.

Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Hoàng Văn T1, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Thôn P, xã H, huyện B, tỉnh Lạng Sơn.

Hiện đang chấp hành án trại giam Q. Địa chỉ: Xã H, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh.

Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Hoàng Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị T và anh Hoàng Văn T1 được tự do tìm hiểu nhau và được hai bên gia đình tổ chức hôn lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương; đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện B ngày 27 tháng 7 năm 2012. Quá trình chung sống với nhau ban đầu rất hạnh phúc. Sau đó, cuộc sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do anh Hoàng Văn T1 chơi bời, nghiện ma túy, không tu chí làm ăn. Hiện nay anh Hoàng Văn T1 đang chấp hành án tại Trại giam Q. Vì mục đích hôn nhân của vợ chồng không đạt được, chị Hoàng Thị T đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh Hoàng Văn T1.

Về con chung: Có một người con chung là Hoàng Đức L, sinh ngày 01/01/2009. Khi ly hôn, chị Hoàng Thị T yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh Hoàng Văn T1 không phải cấp dưỡng tiền nuôi dưỡng con chung và có quyền đi lại thăm nom con chung không ai cản trở.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Về phía bị đơn anh Hoàng Văn T1 có bản tự khai trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Hoàng Văn T1 và chị Hoàng Thị T tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, sau đó được tổ chức cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã H, lý do mâu thuẫn hôn nhân là do anh Hoàng Văn T1 nghiện ma túy, không tu chí làm ăn. Nay chị Hoàng Thị T yêu cầu ly hôn nên anh Hoàng Văn T1 đồng ý.

Về con chung: Có một người con chung là Hoàng Đức L, sinh ngày 01/01/2009. Khi ly hôn, anh Hoàng Văn T1 đồng ý cho chị Hoàng Thị T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh Hoàng Văn T1 không phải cấp dưỡng tiền nuôi dưỡng con chung và có quyền đi lại thăm nom con chung không ai cản trở.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thông báo thụ lý vụ án, thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Tuy nhiên, bị đơn anh Hoàng Văn T1 đang chấp hành án tại Trại giam Q có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Vì vậy, Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Gia phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ các bước về trình tự, thủ tục tố tụng từ khi nhận đơn khởi kiện cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án nguyên đơn chị Hoàng Thị T đã chấp hành, thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự như thực hiện quyền khởi kiện; nộp các tài liệu, chứng cứ chứng minh yêu cầu của mình; có mặt tham gia phiên tòa sơ thẩm. Còn bị đơn anh Hoàng Văn T1 vắng mặt tại Tòa án có đơn xin xét xử vắng mặt.

Về việc giải quyết vụ án: Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; qua tranh tụng tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của Chị Hoàng Thị T. Về con chung: Giao con chung là Hoàng Đức L, sinh ngày 01/01/2009 cho chị Hoàng Thị T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh Hoàng Văn T1 không phải cấp dưỡng tiền nuôi dưỡng con chung và có quyền đi lại thăm nom con chung không ai cản trở. Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không xem xét giải quyết. Về án phí: Nguyên đơn Chị Hoàng Thị T được miễn án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn Chị Hoàng Thị T khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn. Vì vậy quan hệ pháp luật là “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn” theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Hoàng Văn T1 có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở tại thôn P, xã H, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Do đó, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn.

[2] Về tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành thu thập tài liệu chứng cứ, thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định pháp luật. Bị đơn anh Hoàng Văn T1 có đơn xin giải quyết vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Hoàng Văn T1 là có căn cứ đúng quy định pháp luật.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Việc kết hôn giữa chị Hoàng Thị T và anh Hoàng Văn T1 là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện B nên quan hệ hôn nhân giữa chị Hoàng Thị T và anh Hoàng Văn T1 là hợp pháp. Nguyên đơn chị Hoàng Thị T trình bày quá trình chung sống hay phát sinh mâu thuẫn, anh Hoàng Văn T1 chơi bời, không tu chí làm ăn dẫn đến vợ chồng không còn có tiếng nói chung, không còn tình cảm. Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa chị Hoàng Thị T và anh Hoàng Văn T1 đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh Hoàng Văn T1 cũng đồng ý ly hôn; tuy nhiên tại phiên tòa vắng mặt anh Hoàng Văn T1. Vì vậy, chị Hoàng Thị T yêu cầu ly hôn với anh Hoàng Văn T1 là có căn cứ,

phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Có một người con chung là Hoàng Đức L, sinh ngày 01/01/2009. Khi ly hôn, chị Hoàng Thị T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Cũng là nguyện vọng của con và ý kiến của anh Hoàng Văn T1 đồng ý cho con ở với chị Hoàng Thị T. Anh Hoàng Văn T1 không nghề nghiệp, không có thu nhập nên anh Hoàng Văn T1 có yêu cầu không phải cấp dưỡng tiền nuôi dưỡng con chung và có quyền đi lại thăm nom con chung không ai cản trở; chị Hoàng Thị T cũng không yêu cầu anh Hoàng Văn T1 cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng: Chị Hoàng Thị T và anh Hoàng Văn T1 trình bày là không có. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chị Hoàng Thị T là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí. Vì vậy, chị Hoàng Thị T được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

[7] Xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Hoàng Thị T được ly hôn với anh Hoàng Văn T1.

2. Về con chung: Giao con chung là Hoàng Đức L, sinh ngày 01/01/2009 cho chị Hoàng Thị T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh Hoàng Văn T1 không phải cấp

dưỡng tiên nuôi dưỡng con chung và có quyền đi lại thăm nom con chung không ai cản trở.

Trường hợp cần thiết hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.
4. Về án phí: Chị Hoàng Thị T được miễn án phí dân sự sơ thẩm.
5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn Chị Hoàng Thị T có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn anh Hoàng Văn T1 vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn;
- Chi cục THADS huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn;
- UBND xã Hưng Đạo, huyện Bình Gia;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Thị Hiệt

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Văn Sơn

Trần Thị Diệp

Dương Thị Hiệt

